TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 10/2020/DSST
Ngày 23/7/2020
V/v tranh chấp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn P;
2. Bà Nguyễn Hồng L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn A – Thư ký Tòa án nhân dân H PL, tỉnh BAL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H PL, tỉnh BAL tham gia phiên toà: Bà Đoàn Vũ L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân H PL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐST- DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2020/QĐST-DS ngày 26/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T P H H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp L H, thị trấn P L, huyện P L, tỉnh BAL.

2. Bị đơn: Chị N T B, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp P H T, thị trấn PL, H PL, tỉnh BAL.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh L M T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp L H, thị trấn PL, H PL, tỉnh BAL.

- Anh P V H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp P H T, thị trấn PL, H PL, tỉnh BAL.

Anh H ủy quyền cho chị B tham gia tham tố tụng.

(Chị H, anh T có mặt tại phiên tòa, chị B vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai nguyên đơn chị T P H H trình bày: Vào ngày 01/3/2018 âm lịch, chị có tham gia dây hụi do chị N T B làm chủ hụi, loại hụi 2.000.000 đồng/ 1 chưng, có 26 chưng, mỗi tháng khui hụi 01 lần, dây hụi này chị tham gia chơi 01 chưng, đã đóng được 17 lần hụi sống. Đến ngày 16/5/2018 dương lịch chị có tham gia 02 chưng hụi, loại hụi tuần khui 01 lần, mỗi chưng là 2.00.000 đồng, chị đã hốt 01 chưng, còn lại 01 chưng hụi đã đóng cho chị B số tiền 13.400.000 đồng thì chị B tuyên bố ngưng hụi. Nay chị H yêu cầu chị B và chồng là anh P V H trả tiền hụi còn thiếu tổng cộng 47.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh P V H, chị N T B có lời khai trình bày: Vào ngày 01/3/2018 âm lịch, chị B có làm chủ hụi, chị H có tham gia 01 chưng hụi, loại hụi 2.000.000 đồng/ 1 chưng, có 26 chưng, mỗi tháng khui hụi 01 lần, dây hụi này chị H tham gia chơi 01 chưng, đã đóng được 17 lần hụi sống B số tiền 17.580.000 đồng. Ngày 16/5/2018 dương lịch chị H có tham gia 02 chưng hụi do chị B làm chủ, loại hụi tuần khui 01 lần, mỗi chưng là 2.00.000 đồng, chị H đã hốt 01 chưng được số tiền 12.500.000 đồng, còn lại 01 chưng hụi chị H đã đóng cho chị được số tiền 13.400.000 đồng nhưng chị chưa giao tiền hụi cho chị H. Nay chị B chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 17.580.000 đồng của chưng hụi 2.000.000 đồng và số tiền 7.500.000 đồng của chưng hụi tuần 200.000 đồng, tổng cộng số tiền 25.080.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L M T trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị H, không có yêu cầu nào khác.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân H PL trình bày quan điểm: Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định pháp luật, tuy nhiên việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát còn trể so với quy định pháp luật; về nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T P H H; buộc chị B, anh Hi có nghĩa vụ trả cho chị H, anh T tổng số tiền hụi của 02 dây hụi là 32.399.585 đồng; áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trong giai đoạn thi hành án; Không chấp nhận yêu cầu của chị H đối với số tiền 15.000.415 đồng. Về án phí, chị B, anh Hi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.619.979 đồng, chị H phải chịu án phí có giá ngạch là 750.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị T P H H khởi kiện chị N T B, anh P V H về việc tranh chấp về tranh chấp hụi tại Tòa án nhân dân H PL, tỉnh BAL và Tòa án nhân dân

H PL thụ lý, giải quyết là phù hợp với Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Hi ủy quyền cho chị B tham gia tố tụng, chị B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên việc xét xử vắng mặt chị B, anh Hi là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] Chị T P H H kiện đòi chị N T B và anh P V H trả tổng số tiền hụi còn thiếu là 47.400.000 đồng theo Tờ cam kết trả nợ ghi ngày 19/10/2019 của chị N T B, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H và anh T có ý kiến, nếu Tòa án buộc chị B trả tiền hụi mà chị H thực đóng cho chị B thì chị H, anh T yêu cầu Tòa án buộc chị B trả tiền lãi theo quy định pháp luật.

[4] Về phía chị B và anh Hi có lời khai chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 17.580.000 đồng của chưng hụi 2.000.000 đồng và số tiền 7.500.000 đồng của chưng hụi tuần 200.000 đồng, tổng cộng số tiền 25.080.000 đồng.

[5] Xét thấy, đối với dây hụi khui ngày 01/3/2018 âm lịch, cả chị H và chị B đều xác nhận chị H đóng tiền hụi sống cho chị B được 17 lần thì bể hụi (úp hụi) và ngưng hụi từ kỳ thứ 18 (là ngày 01/8/2019 âm lịch nhằm ngày 30/8/2019 dương lịch), số tiền chị H xác định đóng cho chị B là 17.080.000 đồng, còn chị B xác định là 17.580.000 đồng. Sự thừa nhận của chị B là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó, có cơ sở chấp nhận số tiền hụi chị H thực đóng cho chị B 17 lần là 17.580.000 đồng. Chị H xác định, ngày 19/10/2019 chị B có làm Tờ cam kết trả nợ ghi ngày 19/10/2019 xác định nợ tiền hụi của chị H số tiền 47.400.000 đồng, cam kết ngày mùng 01 hàng tháng sẽ trả số tiền 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, do chị B không thực hiện trả nợ theo cam kết nên chị H mới kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường thì "Trong trường hợp chủ họ đã thu các phần họ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lãnh họ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh họ, chủ họ phải giao các phần họ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có. Chủ họ phải trả lãi đối với các phần họ giao chậm theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước cô bố tương ứng với thời gian giao chậm tại thời điểm giao các phần họ". Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản B đồng Việt Nam là 9%/năm nên tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 30/8/2019 đến ngày 23/7/2020 (ngày xét xử) là 10 tháng 23 ngày x 9%/năm x 17.580.000 đồng = 1.419.585 đồng. Từ những phân tích và quy định của pháp luật vừa nêu trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đòi chị B, anh Hi trả tiền hụi với số tiền 18.999.585 đồng.

[6] Đối với dây hụi tuần khui ngày 16/5/2018 dương dịch, cả chị H và chị B đều thừa nhận, chị H tham gia chơi 02 chưng, đã hốt 01 chưng, còn lại 01 chưng, chị H đã đóng tiền hụi cho chị B đến ngày mãn hụi nhưng chị B chưa trả tiền hụi cho chị H số tiền 13.400.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tính tiết, sự kiện không cần phải chứng minh và căn cứ vào Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày

27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đòi chị B, anh Hi trả tiền hụi 13.400.000 đồng.

[7] Từ những chứng cứ và phân tích vừa nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đòi chị B, anh Hi trả tiền hụi của 02 chưng hụi và tiền lãi là 32.399.585 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đòi chị B, anh Hi trả tiền hụi 15.000.415 đồng.

[8] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí xét xử dân sự có giá ngạch: buộc chị B, chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 96 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đòi chị B và anh Hi trả số tiền hụi, tiền lãi là 32.399.585 đ (Ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng).

Buộc chị B và anh Hi có nghĩa vụ trả cho chị H và anh T tổng số tiền hụi, tiền lãi là 32.399.585 đ (Ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đòi chị B, anh Hi trả tiền hụi 15.000.415 đ (Mười lăm triệu bốn trăn mười lăm đồng).

3/ Về án phí: Buộc chị N T B và anh P V H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 1.619.979 đ (Một triệu sáu trăm mười chín nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng); chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 750.000 đ (Bảy trăm năm chục nghìn đồng), chị H đã tạm ứng án phí số tiền 1.185.000 đ (Một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004507 ngày 06/12/2017, sẽ được chuyển thu án phí số tiền 750.000 đ (Bảy trăm năm chục nghìn đồng), tuyên hoàn lại cho chị H số tiền 435.000 đ (Bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự H PL.

"Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm dân sự công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt, thời hạn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BAL;
- VKSND H PL;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh T